TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 834/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 16 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 718/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Cùng tạm trú: Số A Khu phố B, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L qua thời gian tìm hiểu được 02 (Hai) năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 26/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).

Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Đức C là người nóng tính nên khi thấy vợ làm không đúng ý thì hay trách mắng vợ, ban đầu bà Lê Thị L còn chịu đựng nhưng sau đó bà L cự cãi lại thì ông C tát và đánh bà. Từ đầu tháng 7 năm 2018, ông

Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L cãi nhau dẫn tới đánh nhau và cả hai đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng từ tháng 7/2018 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc nhau.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L xác nhận có 01 (Một) trẻ họ, tên là Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 13/10/2015.

Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L thỏa thuận sau khi ly hôn: bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hà A, ông Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 tháng. Cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2018.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 26/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).

1.2. Về con chung: có 01 (Một) trẻ họ, tên là Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 13/10/2015.

Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L thỏa thuận: Giao bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Hà A, ông Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 tháng. Cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Đức C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông C phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1

Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Đức C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu, các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0026184 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Luyến);

Mai Trần Cảnh